

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
MST: 3 5 0 0 1 0 1 8 1 2



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 05 tháng 01 năm 2007 và sau đó đăng ký thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 2	4903000321	18/06/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 3	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 4	4903000321	02/01/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 5	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 6	4903000321	19/08/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 7	3500101812	02/07/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 8	3500101812	03/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 9	3500101812	28/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 10	3500101812	19/07/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11	3500101812	26/09/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 12	3500101812	19/01/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu đến lần đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 vào ngày 28 tháng 8 năm 2009 là 200.000.000.000 đồng. Kể từ lần đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 10 đến nay, Vốn điều lệ của Công ty là 186.445.000.000 đồng. Cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện nay của Công ty như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12
Cộng	186.445.000.000	100,00

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại : 064.3856445 Fax : 064.3856444

Website : <http://www.vungtautourist.com.vn>

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; Kinh doanh khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng; Kinh doanh phòng hát karaoke, massage, vũ trường; Dịch vụ du lịch lữ hành; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy; Vận tải hành khách du lịch đường bộ; Bán buôn thực phẩm và đồ dùng cho gia đình; Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và tin học; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp và máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác;...

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

207 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- ▶ **Khu Du lịch Biển Đông**
Địa chỉ: Số 08 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khách sạn Thùy Vân**
Địa chỉ: Số 115 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khách sạn Vũng Tàu - Sammy**
Địa chỉ: Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khu Du lịch Mũi Nghinh Phong**
Địa chỉ: Số 01 Hạ Long, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 34).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch	18/05/2012	
Ông Đoàn Minh Cương	Phó Chủ tịch	23/05/2013	
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Quốc Lương	Thành viên	18/05/2012	
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012	
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên	25/10/2013	
Ban kiểm soát			
Ông Lê Tấn Dũng	Trưởng ban	20/05/2011	
Bà Dương Hồng Ánh	Thành viên	23/05/2013	
Bà Nguyễn Thị Lý	Thành viên	27/06/2014	
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	20/05/2011	27/06/2014
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Phó Tổng Giám đốc	22/06/2012	
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2013	
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Kế toán trưởng	01/07/2012	

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
207 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2015

PHỤ LỤC



www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC -

FAC AUDITING CO., LTD

Trụ sở chính : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P.8, Quận Gò Vấp, Tp. HCM.

Văn Phòng Giao Dịch : 2/23 Quách Văn Tuấn, Khu K300, P.12, Q. Tân Bình, TP. HCM

Chi nhánh Nha Trang : 27 Đường 01, Khu Đô Thị Vĩnh Biêm Trung, P. Vĩnh Hiệp, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

Chi nhánh Vũng Tàu : 18B Trương Công Định - Tp. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tel : (08) 3 948 3100

Fax : (08) 3 948 3102

Tel : (0-58) 3 895 777

Fax : (0-58) 3 893 377

Tel : (0-64) 2 210 267

Fax : (0-64) 3 253 070

Số : 0251010201360512014/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Điền Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0074-2014-099-1

Giấy ủy quyền số 011/2014/UQ-FAC ngày 20/10/2014

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0982-2013-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.726.295.746	30.886.029.743
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	4.149.184.943	3.843.897.801
1. Tiền	111		4.149.184.943	3.843.897.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV. 2	5.152.372.777	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	IV. 2	20.921.032.777	18.821.032.777
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	IV. 2	(15.768.660.000)	(18.821.032.777)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.489.472.130	20.890.980.837
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 3	17.332.430.684	17.364.189.398
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 4	2.062.283.225	2.390.486.776
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 5	13.994.079.664	13.717.318.478
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 6	(10.899.321.443)	(12.581.013.815)
IV. Hàng tồn kho	140		1.312.352.699	1.603.997.181
1. Hàng tồn kho	141	IV. 7	1.312.352.699	1.603.997.181
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.622.913.197	4.547.153.924
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.308.501	45.552.590
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV. 8	2.322.043.166	1.631.690.500
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 9	3.249.561.530	2.869.910.834

391
NG
HỆ
T
AI
P.T

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.597.635.901	197.486.847.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.217.257.947	72.753.563.057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 10	70.176.285.031	70.683.357.148
<i>Nguyên giá</i>	222		120.611.683.600	114.722.131.395
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(50.435.398.569)	(44.038.774.247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 11	1.040.972.916	2.070.205.909
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		105.674.567.486	106.621.184.218
1. Đầu tư vào công ty con	251	IV. 12	41.800.000.000	41.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV. 13	5.231.600.000	5.191.600.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 14	64.836.702.157	63.396.142.157
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	IV. 15	(6.193.734.671)	(3.766.557.939)
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.705.810.468	18.112.100.237
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 16	13.705.810.468	18.112.100.237
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		229.323.931.647	228.372.877.255

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		01/01/2014	
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		56.998.778.586		60.876.190.187	
I. Nợ ngắn hạn	310		24.345.596.343		27.551.745.396	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 17	1.224.000.000		4.794.725.163	
2. Phải trả người bán	312	IV. 18	2.344.662.986		2.775.772.294	
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 19	445.523.525		266.412.415	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 20	5.276.472.746		5.287.909.642	
5. Phải trả người lao động	315		28.720.286		23.849.153	
6. Chi phí phải trả	316	IV. 21	319.966.295		419.277.455	
7. Phải trả nội bộ	317		-		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 22	13.169.125.786		12.260.559.555	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 23	1.537.124.719		1.723.239.719	
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-		-	
II. Nợ dài hạn	330		32.653.182.243		33.324.444.791	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333	IV. 24	15.851.734.604		15.298.997.152	
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 25	16.801.447.639		18.025.447.639	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-		-	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-		-	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.325.153.061		167.496.687.068	
I. Vốn chủ sở hữu	410		172.325.153.061		167.496.687.068	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 26	186.445.000.000		186.445.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-		-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 26	11.238.309.719		9.466.424.393	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 26	-		1.771.885.326	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 26	(25.358.156.658)		(30.186.622.651)	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-		-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430					
1. Nguồn kinh phí	432		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		229.323.931.647		228.372.877.255	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		332,02	3.558,36
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập

Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	100.920.601.072	90.923.272.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	37.909.091	43.321.680
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	100.882.691.981	90.879.951.079
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	46.844.605.919	46.385.700.033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.038.086.062	44.494.251.046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.205.287.945	5.685.676.718
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	2.453.484	850.463.652
Trong đó: chi phí lãi vay	23		627.512.218	908.920.190
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	22.205.189.576	20.123.551.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	29.478.881.623	34.259.989.480
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.556.849.324	(5.054.076.398)
11. Thu nhập khác	31	V. 7	98.238.931	8.103.462.791
12. Chi phí khác	32	V. 8	826.622.262	4.900.702.766
13. Lợi nhuận khác	40		(728.383.331)	3.202.760.025
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.828.465.993	(1.851.316.373)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.828.465.993	(1.851.316.373)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		259	(99)

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập

Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.828.465.993	(1.851.316.373)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 10	6.626.311.928	6.319.381.731
- Các khoản dự phòng	03		(2.306.888.417)	2.973.557.821
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.232.942.575)	(7.318.740.310)
- Chi phí lãi vay	06		627.512.218	908.920.190
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.542.459.147	1.031.803.059
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.405.021.569)	(1.280.640.043)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		291.644.482	70.670.839
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.257.090.014	(7.263.052.430)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.429.257.040	8.934.525.953
- Tiền lãi vay đã trả	13		(627.512.218)	(908.920.190)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(851.223.018)	(851.223.018)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		40.000.000	854.345.053
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(186.115.000)	(1.639.331.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.490.578.878	-1.051.822.291
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.362.610.843)	(8.950.678.482)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V. 7	90.293.636	116.610.512
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.580.560.000)	(13.050.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			4.900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.804.749.068	4.133.573.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.048.128.139)	(9.850.494.042)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 17	1.798.360.972	14.101.247.148
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 17	(6.593.086.135)	(5.443.416.959)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.342.438.434)	(571.427.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.137.163.597)	8.086.402.439
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		305.287.142	(2.815.913.894)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	3.843.897.801	6.659.811.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	4.149.184.943	3.843.897.801

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Thị Bào Ngọc
Người lập


Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc

11 / 24
3 - NH
TO C
HC 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 05 tháng 01 năm 2007 và sau đó đăng ký thay đổi như sau:

<u>Thay đổi đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 2	4903000321	18/06/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 3	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 4	4903000321	02/01/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 5	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 6	4903000321	19/08/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 7	3500101812	02/07/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 8	3500101812	03/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 9	3500101812	28/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 10	3500101812	19/07/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11	3500101812	26/09/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 12	3500101812	19/01/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu đến lần đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 vào ngày 28 tháng 8 năm 2009 là 200.000.000.000 đồng. Kể từ lần đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 10 đến nay, Vốn điều lệ của Công ty là 186.445.000.000 đồng. Cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện nay của Công ty như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	
	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Nhà nước	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12
Cộng	186.445.000.000	100,00

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; Kinh doanh khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng; Kinh doanh phòng hát karaoke, massage, vũ trường; Dịch vụ du lịch lữ hành; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy; Vận tải hành khách du lịch đường bộ; Bán buôn thực phẩm và đồ dùng cho gia đình; Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và tin học; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp và máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác;...

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chi nhánh Công ty:

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- ▶ **Khu Du lịch Biển Đông**
Địa chỉ: Số 08 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khách sạn Thùy Vân**
Địa chỉ: Số 115 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khách sạn Vũng Tàu - Sammy**
Địa chỉ: Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khu Du lịch Mũi Nghinh Phong**
Địa chỉ: Số 01 Hạ Long, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Công ty con và công ty liên kết

Trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ % sở hữu	
	31/12/2014	01/01/2014
Công ty con		
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Vân	50,07%	50,07%
Công ty Cổ phần Du Lịch Nghinh Phong	95,00%	95,00%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	26,53%	26,53%
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	35,00%	35,00%

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh IV.12 và IV.13.

3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch	18/05/2012
Ông Đoàn Minh Cường	Phó Chủ tịch	23/05/2013
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên	18/05/2012
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Thành viên	18/05/2012
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên	18/05/2012
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên	25/10/2013

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3599
CÔNG
NHỆP
M T
FAI
TR V

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hay thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2009/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc và thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, đồ dùng văn phòng	03 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

10. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

11. Đầu tư dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc nắm giữ cổ phiếu của Công ty khác hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn vào Công ty khác.



18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (bao gồm các khoản tạm ứng vốn cho các công ty con), các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

30/12/2014
CÓ
H
IẾ

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt tại quỹ	848.624.327	854.315.965
Tiền gửi ngân hàng	3.300.560.616	2.989.581.836
Cộng	4.149.184.943	3.843.897.801

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí (1)	2.583.900	16.368.660.000	2.583.900	16.368.660.000
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu (2)	245.237	2.452.372.777	245.237	2.452.372.777
Tiền gửi có kỳ hạn Viettinbank (3)		2.100.000.000		-
Giá gốc của khoản đầu tư		20.921.032.777		18.821.032.777
Dự phòng giảm giá		(15.768.660.000)		(18.821.032.777)
Giá trị thuần của khoản đầu tư		5.152.372.777		-

(1) Ngày 5/7/2014, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng lại 2.411.640 cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí cho Ông Nguyễn Ngọc Mỹ với giá 6.800 đồng/cổ phần tương đương tổng giá trị chuyển nhượng là 16.399.152.000 đồng. Bên nhận chuyển nhượng đã đặt cọc số tiền 1,6 tỷ đồng. Dự kiến hợp đồng chuyển nhượng sẽ hoàn tất trong năm 2015.

(2) Công ty phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu từ khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thành khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán.

(3) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Vũng Tàu.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
Phải thu các bên liên quan	107.732.930	94.932.930
Phải thu các khách hàng từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.224.697.754	17.269.256.468
Cộng	17.332.430.684	17.364.189.398

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Trả trước cho nhà cung cấp về hàng hóa và dịch vụ phục vụ kinh doanh	2.032.283.225	1.542.028.225
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	30.000.000	848.458.551
Cộng	2.062.283.225	2.390.486.776

124
IG
ỆM
TC
AC
P.H

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu (tiền cổ tức)	1.483.600.256	944.530.692
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân (tiền cổ tức)	-	138.830.299
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	1.217.553.526	1.044.820.368
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong	6.419.864.934	5.401.217.889
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	915.769.425	915.769.425
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000	150.000.000
Các khoản khác	3.857.291.523	5.122.149.805
Cộng	<u>13.994.079.664</u>	<u>13.717.318.478</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khách hàng	9.511.755.348	11.193.447.720
Dự phòng cho các khoản nợ trả trước cho người bán	1.088.033.851	1.088.033.851
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khác	233.588.045	233.588.045
Dự phòng cho các khoản nợ tạm ứng của công nhân viên	65.944.199	65.944.199
Cộng	<u>10.899.321.443</u>	<u>12.581.013.815</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	469.543.369	432.545.955
Công cụ, dụng cụ trong kho	318.187.551	222.782.259
Hàng hóa tồn kho	524.621.779	1.019.339.806
Cộng	<u>1.312.352.699</u>	<u>1.603.997.181</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.255.259.050	1.613.991.183
Thuế thu nhập cá nhân	66.784.116	17.699.317
Cộng	<u>2.322.043.166</u>	<u>1.631.690.500</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.766.726	-
Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	3.048.794.804	2.869.910.834
Cộng	<u>3.249.561.530</u>	<u>2.869.910.834</u>



10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2014	97.721.414.940	4.131.878.646	8.570.271.885	704.833.037	3.593.732.887	114.722.131.395
Đầu tư mới	4.528.709.024	420.320.636	1.228.572.727	32.700.000		6.210.302.387
Phân loại lại				(29.713.636)		(29.713.636)
Thanh lý			(48.000.000)		(243.036.546)	(291.036.546)
Tại 31/12/2014	102.250.123.964	4.552.199.282	9.750.844.612	707.819.401	3.350.696.341	120.611.683.600
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2014	36.341.535.801	2.041.257.430	3.329.141.538	487.983.242	1.838.856.236	44.038.774.247
Trích khấu hao	4.770.847.058	413.123.238	1.041.965.524	80.129.180	320.246.928	6.626.311.928
Phân loại lại				(990.454)		(990.454)
Thanh lý			(29.600.000)		(199.097.152)	(228.697.152)
Tại 31/12/2014	41.112.382.859	2.454.380.668	4.341.507.062	567.121.968	1.960.006.012	50.435.398.569
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2014	61.379.879.139	2.090.621.216	5.241.130.347	216.849.795	1.754.876.651	70.683.357.148
Tại 31/12/2014	61.137.741.105	2.097.818.614	5.409.337.550	140.697.433	1.390.690.329	70.176.285.031

Một số tài sản cố định của Công ty được dùng để thế chấp để đảm bảo các khoản vay của ngân hàng (thuyết minh IV.25).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
Khu du lịch Nghinh Phong	-	1.716.960.377
Khu du lịch Mũi Nghinh Phong	270.000.000	270.000.000
Khu du lịch Biển Đông	687.727.384	-
Các hạng mục khác	83.245.532	83.245.532
Cộng	1.040.972.916	2.070.205.909

12. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (a)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thủy Văn (b)	9.800.000.000	9.800.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong (c)	28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	41.800.000.000	41.800.000.000

Thông tin về các công ty con như sau:

- (a) Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu ("VT Tour") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3501853974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 6 năm 2011. Vốn điều lệ của VT Tour theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 4 tỷ đồng và Công ty sở hữu 100% vốn Công ty con này.
Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VT Tour: Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và nước ngoài.

Trụ sở của VT Tour đặt tại số 29 Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu B 09-DN

- (b) Công ty Cổ phần Du lịch Thủy Vân ("Thủy Vân Tourist") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 49003000221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 02 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 18 tháng 02 năm 2008. Vốn điều lệ của Thủy Vân Tourist theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.380.000.000 đồng, tương đương với 153.800 cổ phần mệnh giá 100.000 đồng. Trong đó, Công ty sở hữu 77.000 cổ phần, chiếm 50,07% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Thủy Vân Tourist: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển; Đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn; quần áo thể thao; Đại lý bán vé máy bay; tàu lửa, tàu thủy cho khách du lịch.

Trụ sở của Thủy Vân Tourist đặt tại số 115 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- (c) Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong ("Nghinh Phong Tourist") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3502213663 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 24 tháng 10 năm 2013. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng, tương đương với 3.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng. Trong đó, Công ty góp 2.800.000 cổ phần, chiếm 93,33% vốn điều lệ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu, một công ty con của Công ty góp 50.000 cổ phần, chiếm 1,67% vốn điều lệ của công ty này. Theo đó, Công ty sở hữu 95% công ty này.

Ngành nghề kinh doanh của Nghinh Phong Tourist theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, đua thuyền, cửa thuyền bay, bắn cung, leo núi, hoạt động thể thao dưới nước; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Nhà nghỉ có kinh doanh du lịch; Nhà hàng, hàng ăn, quán ăn, hàng ăn uống; Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dừng để nghỉ tạm;

Trụ sở của Nghinh Phong Tourist đặt tại số 06 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014			01/01/2014		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu	Giá trị vốn đầu tư	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu	Giá trị vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông (a)	406.160	26,53%	4.061.600.000	406.160	26,53%	4.061.600.000
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm (b)	117.000	35,00%	1.170.000.000	113.000	35,00%	1.130.000.000
Cộng			5.231.600.000			5.191.600.000

Thông tin chính về các công ty liên kết, liên doanh như sau:

- (a) Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 05/10/2006 và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500770108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 24/09/2009. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2 là 49.000.000.000 đồng, tương đương với 490.000 cổ phần mệnh giá 100.000 đồng. Trong đó, Công ty đăng ký mua 130.000 cổ phần, chiếm 26,5% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí.

Trụ sở của công ty này đặt tại số 115 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mẫu B 09-DN

- (b) Công ty Cổ phần Giải trí, Thể thao Minh Đạm được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501454916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 28/08/2009. Vốn điều lệ của công ty này là 20.000.000.000 đồng, với 2.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng. Trong đó, Công ty đăng ký mua 700.000 cổ phần, chiếm 35% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

Trụ sở của công ty này đặt tại số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

14. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị vốn đầu tư	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	2.860.279	28.602.790.000	2.860.279	28.602.790.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	27.840	2.784.000.000	27.340	2.734.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái biển Bình Châu	9.945	994.525.416	9.945	994.525.416
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	34.687	3.468.701.654	34.687	3.468.701.654
Công ty CP San hô xanh Côn Đảo	8.000	800.000.000	8.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Lạc Việt	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	93.906	9.390.560.000	80.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí	172.260	1.169.190.000	172.260	1.169.190.000
Công ty Cổ phần Du lịch An Hoa	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Công ty TNHH Nam Biển Đông		3.326.935.087		3.326.935.087
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công		800.000.000		800.000.000
Cộng		64.836.702.157		63.396.142.157

Các khoản đầu tư tài chính trên đây được Công ty thực hiện với tư cách là cổ đông sáng lập hoặc là thành viên tham gia góp vốn thành lập các công ty trên.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con	3.164.103.621	736.926.889
Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác	3.029.631.050	3.029.631.050
Cộng	6.193.734.671	3.766.557.939

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí tại Văn phòng Công ty	150.101.460	706.246.458
Chi phí tại Khách sạn Thủy Vân	460.133.465	659.256.920
Chi phí tại Khu du lịch Biển Đông	6.759.419.083	7.633.178.097
Chi phí tại Khách sạn Sammy	6.336.156.460	9.113.418.762
Cộng	13.705.810.468	18.112.100.237

17. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Số tiền vay trong năm/Nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Tại ngày 31/12/2014
Vay ngắn hạn	3.570.725.163	1.798.360.972	(5.369.086.135)	-
Vietinbank (a)	3.570.725.163	1.798.360.972	(5.369.086.135)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.224.000.000	1.224.000.000	(1.224.000.000)	1.224.000.000
Vietinbank (thuyết minh IV.25)	1.224.000.000	1.224.000.000	(1.224.000.000)	1.224.000.000
Cộng	4.794.725.163	3.022.360.972	(6.593.086.135)	1.224.000.000

Thông tin chính về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

(a) Vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vietinbank) bằng tiền Đồng Việt Nam để bổ sung vốn kinh doanh đã trả hết nợ trong năm.

18. Phải trả cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Phải cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	2.269.389.636	2.700.498.944
Phải cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty	75.273.350	75.273.350
Cộng	2.344.662.986	2.775.772.294

19. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
Khách hàng trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	445.523.525	266.412.415
Cộng	445.523.525	266.412.415

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng	429.818.126	445.423.807
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.424.102	8.354.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.098.539	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.834.131.979	4.834.131.664
Cộng	5.276.472.746	5.287.909.642

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.17 và thuyết minh V.9.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định thuế phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

21. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Chi phí thuê mặt bằng khách sạn Thùy Vân	209.426.500	240.654.000
Các khoản chi phí phải trả khác cho hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ	110.539.795	178.623.455
Cộng	<u>319.966.295</u>	<u>419.277.455</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Cổ tức phải trả	10.339.459.350	11.681.897.784
Các khoản khác (*)	2.829.666.436	578.661.771
Cộng	<u>13.169.125.786</u>	<u>12.260.559.555</u>

(*) Trong đó tiền nhận đặt cọc hợp đồng chuyển nhượng lại 2.411.640 cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí cho Ông Nguyễn Ngọc Mỹ là 1,6 tỷ đồng (xem thuyết minh IV.2).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Số dư tại 01/01	1.723.239.719	915.415.377
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	1.306.110.056
Chi trong năm	(186.115.000)	(498.285.714)
Số dư tại 31/12	<u>1.537.124.719</u>	<u>1.723.239.719</u>

24. Phải trả dài hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Nhận ký quỹ, ký cược của khách hàng	4.758.510.850	4.718.510.850
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân	4.756.248.299	4.243.510.847
Các khoản nợ dài hạn khác	6.336.975.455	6.336.975.455
Cộng	<u>15.851.734.604</u>	<u>15.298.997.152</u>

25. Vay và nợ dài hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Vietinbank (a)</u>	<u>Vietcombank (b)</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 01/01/2014	3.973.105.026	14.052.342.613	18.025.447.639
Số tiền vay trong năm	-	-	-
Kết chuyển sang nợ đến hạn trả	(1.224.000.000)	-	(1.224.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.749.105.026</u>	<u>14.052.342.613</u>	<u>16.801.447.639</u>

Thông tin chính về các khoản vay dài hạn như sau:

(a) Vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vietinbank) bằng Đồng Việt Nam để đầu tư nâng cấp Khách sạn Sammy Vũng Tàu đạt tiêu chuẩn 4 sao. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, thời gian ân hạn 3 tháng, thời hạn trả nợ là 57 tháng và kỳ hạn trả nợ 3 tháng/kỳ. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm vay và được điều chỉnh mỗi tháng 01 lần. Lãi suất vay bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 5%/năm. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau do Vietinbank công bố cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm (chỉ áp dụng trong trường hợp có biến động thị trường liên tục).

Tài sản thế chấp của các khoản vay là công trình Khách sạn Sammy Vũng Tàu tại số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(b) Khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (Vietcombank) phát sinh và được khoan nợ (bao gồm nợ gốc và lãi) từ trước khi cổ phần hóa.

26. **Vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2013	186.445.000.000	7.928.944.318	1.387.515.307	(20.446.221.128)	175.315.238.497
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	-	(1.851.316.373)	(1.851.316.373)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận 2013	-	1.537.480.075	384.370.019	(3.227.960.150)	(1.306.110.056)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.661.125.000)	(4.661.125.000)
Tại 31/12/2013	186.445.000.000	9.466.424.393	1.771.885.326	(30.186.622.651)	167.496.687.068
Tại 01/01/2014	186.445.000.000	9.466.424.393	1.771.885.326	(30.186.622.651)	167.496.687.068
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	-	-	-	4.828.465.993	4.828.465.993
Kết chuyển Quỹ dự phòng tài chính	-	1.771.885.326	(1.771.885.326)	-	-
Tại 31/12/2014	186.445.000.000	11.238.309.719	-	(25.358.156.658)	172.325.153.061

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Nhà nước	109.784.000.000	58,88	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12	76.661.000.000	41,12
Cộng	186.445.000.000	100,00	186.445.000.000	100,00

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu	100.920.601.072	90.923.272.759
Các khoản giảm trừ	37.909.091	43.321.680
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.909.091	43.321.680
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.882.691.981	90.879.951.079
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	11.336.029.512	5.667.872.079
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.546.662.469	85.212.079.000
Cộng	100.882.691.981	90.879.951.079

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của hàng hóa	3.487.034.750	3.746.505.979
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	43.357.571.169	42.639.194.054
Cộng	46.844.605.919	46.385.700.033

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	312.521.885	317.296.739
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.892.466.448	4.740.429.867
Lãi chênh lệch tỷ giá	299.612	773.641
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	627.176.471
Cộng	3.205.287.945	5.685.676.718

4. Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	627.512.218	908.920.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá	137.311	2.063.201
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(625.196.045)	(60.519.739)
Cộng	2.453.484	850.463.652

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên bán hàng	9.728.783.948	11.181.168.642
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.070.340.955	1.772.990.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.838.650.160	1.824.858.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.163.139.390	3.959.554.617
Chi phí khác	1.404.275.123	1.384.978.409
Cộng	22.205.189.576	20.123.551.030

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí cho nhân viên	13.444.447.796	14.522.380.453
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.286.239.626	462.497.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.020.983.598	1.899.419.830
Chi phí dự phòng	(1.281.692.372)	3.034.077.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.545.925.145	5.760.000.504
Chi phí khác	5.462.977.830	8.581.614.079
Cộng	29.478.881.623	34.259.989.480

7. Thu nhập khác

	Năm 2014	Năm 2013
Thu thanh lý tài sản cố định	90.293.636	116.610.512
Thu từ chuyển giao tài sản tại dự án Khu du lịch Nghinh Phong	-	3.662.235.655
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn	-	1.050.379.507
Các khoản thu nhập khác	7.945.295	3.274.237.117
Cộng	98.238.931	8.103.462.791

8. Chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
Giá trị còn lại của tài sản, công cụ thanh lý	20.397.092	33.152.786
Chi phí chuyển giao tài sản tại dự án Khu du lịch Nghinh Phong	-	3.662.235.655
Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi	41.945.960	694.749.051
Các khoản chi phí khác	764.279.210	510.565.274
Cộng	826.622.262	4.900.702.766

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh với thời hạn 10 năm kể từ năm 2007 và thuế suất 22% đối với các khoản thu nhập khác chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.828.465.993	(1.851.316.373)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.507.255.106	3.873.700.554
Các khoản chi phí không được trừ	1.507.255.106	3.873.700.554
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.335.721.099)	(5.345.876.495)
Thu nhập không chịu thuế	(2.700.466.448)	(4.548.429.867)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.052.372.777)	(797.446.828)
Lỗi các năm trước được chuyển	(582.881.874)	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(3.323.492.314)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất phổ thông	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu		
Mua dịch vụ	53.350.000	1.253.630.000
Trả tiền mua dịch vụ	364.350.000	1.300.515.000
Chi hộ, ứng vốn	343.410.165	638.000.000
Thu nợ, bù trừ nợ	489.877.007	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân		
Thu ứng khấu hao	512.737.452	428.348.658
Thu tiền cổ tức	256.866.192	460.748.375
Tiền thuê tài sản hoạt động phải trả	2.624.600.000	2.682.017.250
Trả tiền thuê tài sản hoạt động	2.658.950.250	2.637.297.850
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong		
Góp vốn điều lệ		13.000.000.000
Tạm ứng vốn	1.000.000.000	2.900.000.000
Chuyển nhượng tài sản tại Khu du lịch Nghinh Phong	-	4.062.314.785
Thu lãi ứng vốn	328.040.237	105.445.433
Các khoản chi hộ	346.687.282	26.155.083
Thu hồi tạm ứng vốn	-	727.680.100
Thu tiền chuyển nhượng tài sản và tiền chi hộ	-	965.027.812
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông		
Góp vốn điều lệ	-	1.050.379.507
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm		
Góp vốn điều lệ	40.000.000	50.000.000
Cung cấp dịch vụ	12.800.000	41.332.600
Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Chi tiền thù lao	384.300.000	270.000.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương và thưởng theo quy chế	1.186.877.360	1.024.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2014	01/01/2014
Công nợ phải thu		
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (thuyết minh IV.5)	1.217.553.526	1.044.820.368
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong	6.419.864.934	5.401.217.889
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm (tiền cung cấp dịch vụ - bao gồm trong thuyết minh IV.3)	107.732.930	94.932.930
Cộng	7.745.151.390	6.540.971.187
Công nợ phải trả		
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	-	180.315.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thủy Vân - Tiền thuê tài sản hoạt động (thuyết minh IV.21)	209.426.500	240.654.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thủy Vân - Phải trả khác (thuyết minh IV.24)	4.756.248.299	4.243.510.847
Cộng	4.965.674.799	4.484.164.847

2. Các cam kết

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết góp vốn đầu tư như sau:

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		
		Số vốn cam kết góp	%	Số vốn còn phải góp tại 31/12/2014
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	35,00	5.830.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	26,53	8.938.400.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh Thái Long Hải	30.000.000.000	3.500.000.000	11,67	31.298.346
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh Thái Biển Bình Châu	12.000.000.000	1.200.000.000	10,00	205.474.584
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	10,00	2.841.200.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	10,00	7.266.000.000
Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	14,29	245.414.913
Cộng	356.000.000.000	50.272.350.000		25.357.787.843

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác hàng, các khoản phải thu khác (bao gồm các khoản tạm ứng vốn cho các công ty con), các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính khác, các khoản vay ngân hàng, nợ phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Mẫu B 09-DN

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản ứng vốn cho các công ty con.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.



Ứng vốn cho các công ty con

Công ty có cho các công ty con ứng vốn. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản ứng vốn này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2014				
Các khoản vay và nợ	4.794.725.163	18.025.447.639	-	22.820.172.802
Phải trả người bán	2.775.772.294	-	-	2.775.772.294
Chi phí phải trả	419.277.455	-	-	419.277.455
Các khoản phải trả khác	12.260.559.555	15.298.997.152	-	27.559.556.707
	20.250.334.467	33.324.444.791	-	53.574.779.258
Tại ngày 31/12/2014				
Các khoản vay và nợ	1.224.000.000	16.801.447.639	-	18.025.447.639
Phải trả người bán	2.344.662.986	-	-	2.344.662.986
Chi phí phải trả	319.966.295	-	-	319.966.295
Các khoản phải trả khác	13.169.125.786	15.851.734.604	-	29.020.860.390
	17.057.755.067	32.653.182.243	-	49.710.937.310

Ban Giám đốc cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ của Công ty ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính và từ các nguồn vốn huy động khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	01/01/2014
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.149.185	-	3.843.898	-	4.149.185	3.843.898
Phải thu khách hàng	17.332.431	(9.511.755)	17.364.189	(11.193.448)	7.820.675	6.170.742
Phải thu khác	13.994.080	(233.588)	13.717.318	(233.588)	13.760.492	13.483.730
Tài sản tài chính ngắn hạn	20.921.033	(15.768.660)	18.821.033	(18.821.033)	5.152.373	-
Tài sản tài chính dài hạn	64.836.702	(3.029.631)	63.396.142	(3.029.631)	61.807.071	60.366.511
Cộng	121.233.430	(28.543.634)	117.142.581	(33.277.700)	92.689.796	83.864.881



Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Các khoản vay và nợ	18.025.447.639	22.820.172.802	18.025.447.639	22.820.172.802
Phải trả người bán	2.344.662.986	2.775.772.294	2.344.662.986	2.775.772.294
Chi phí phải trả	319.966.295	419.277.455	319.966.295	419.277.455
Các khoản phải trả khác	29.020.860.390	27.559.556.707	29.020.860.390	27.559.556.707
Cộng	49.710.937.310	53.574.779.258	49.710.937.310	53.574.779.258

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính:


- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản tạm ứng vốn cho công ty con, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ của từng khách hàng và đối tượng phải thu. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá mua.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.



5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập


Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc